

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 02-02-2021  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên  
2. Ông Nguyễn Văn Trò

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:**  
Bà Nguyễn Khánh Linh- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn Q** -sinh năm 1992; nơi cư trú: Khu 4 D, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thanh N** -sinh năm 1993; nơi cư trú tại: Khu 4 D, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày:* Anh Q và chị Nguyễn Thị Thanh N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 12/6/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh Q xã T. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về quan điểm sống,

dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ ngày 02/01/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N.

*Tại bản tự khai ngày 06/11/2020 bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:* Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như anh Nguyễn Văn Q đã trình bày. Theo chị N, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do anh Q không quan tâm tới vợ con, có quan hệ với người phụ nữ khác và hay dựng chuyện nói xấu chị N. Nay anh Q đề nghị ly hôn, chị N không đồng ý, vì muốn con chung có cả bố và mẹ .

Về con chung: Hai bên thống nhất trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thiên A- sinh ngày 09/11/2017. Hiện con chung ở cùng chị N. Nếu ly hôn, hai bên thống nhất để chị N được trực tiếp nuôi con chung và anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q giữ nguyên ý kiến, yêu cầu về quan hệ hôn nhân; con chung; tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức của vợ chồng và trình bày bổ sung như sau:

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q đề nghị được cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đồng/tháng và phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng, với lý do anh Quang làm nghề lao động tự do, chủ yếu là làm thợ xây, thu nhập bình quân mỗi tháng là 6.000.000đồng, trong khi đó còn phải chi phí thuê nhà ở và chi phí sinh hoạt phục vụ cuộc sống.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy báo của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia

đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Thiên A- sinh ngày 09/11/2017. Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú bị đơn là tại xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Q và chị N bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng Q, chị N chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau.

Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và mong muốn kéo dài cuộc sống chung chỉ xuất phát từ một bên, nên anh Q yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Chị N không đồng ý ly hôn với lý do muốn con chung có đủ cả bố mẹ về mặt hình thức nên đề nghị của chị N không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Kể từ khi ly thân đến nay, con chung của vợ chồng do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do vậy, việc hai bên thống nhất để chị N trực tiếp nuôi con chung là đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q đề nghị được cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng với lý do như đã nêu trên là phù hợp với chi phí chung để nuôi con và tình hình thu nhập của anh Q nên cần chấp nhận. Chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Thiên A - sinh ngày 09/11/2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 02/2021 đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

2.2. Anh Nguyễn Văn Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003729 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, anh Q còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Vũ Văn Thắng**